

CÁC BỘ**LIÊN BỘ**

**QUỐC PHÒNG - LAO ĐỘNG - THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI - TÀI CHÍNH**

THÔNG TƯ liên tịch số 1699/2001/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 19/6/2001 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 04/2001/NĐ-CP ngày 16/1/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999 về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc chuyển sang công chức quốc phòng.

Thi hành Nghị định số 04/2001/NĐ-CP ngày 16/1/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999 về chế độ chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc chuyển sang công chức quốc phòng;

Sau khi có ý kiến của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ tại Công văn số 106/BTCCBCP-TL ngày 16/5/2001, liên tịch Bộ Quốc phòng - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

A. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp nghỉ hưu,

chuyển ngành, phục viên; sĩ quan chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng; quân nhân chuyên nghiệp chuyển sang công chức quốc phòng.

B. CÁC CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH**I. ĐỐI VỚI SĨ QUAN NGHỈ HƯU****1. Điều kiện nghỉ hưu:**

1.1. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 04/2001/NĐ-CP ngày 16/1/2001 của Chính phủ.

1.2. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 04/2001/NĐ-CP ngày 16/1/2001 khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Nam đủ 25 năm, nữ đủ 20 năm phục vụ trong quân đội trở lên, trong đó có ít nhất 5 năm được tính tuổi quân (không phụ thuộc vào cấp bậc quân hàm và tuổi đời).

- Thời gian phục vụ trong quân đội bao gồm thời gian là sĩ quan; quân nhân chuyên nghiệp; hạ sĩ quan, binh sĩ; công nhân viên chức quốc phòng. Thời gian phục vụ trong quân đội được tính theo năm dương lịch (không quy đổi theo hệ số), nếu có thời gian đứt quãng mà chưa hưởng trợ cấp một lần (bao gồm trợ cấp xuất ngũ, phục viên, thôi việc) thì được cộng dồn.

Trường hợp quân nhân đã phục viên, xuất ngũ trước ngày ban hành Quyết định số 595/TTg ngày 15/12/1993 của Thủ tướng Chính phủ, sau đó tái ngũ thì thời gian trước đó được cộng nối để tính thời gian phục vụ quân đội.

- Tuổi quân được tính theo quy định tại Quyết

định số 3156/2000/QĐ-BQP ngày 28/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

b) Quân đội không còn nhu cầu bố trí sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng hoặc không chuyển ngành được.

Ví dụ 1: Đồng chí Nguyễn Văn A, sinh năm 1956, là công nhân viên chức quốc phòng từ tháng 4 năm 1976, tháng 4 năm 1995 chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp, cấp bậc Đại úy, tháng 4 năm 2001 quân đội không còn nhu cầu bố trí sắp xếp, không chuyển ngành được, đã có đủ 25 năm công tác trong quân đội, trong đó có 6 năm tuổi quân, đồng chí A đủ điều kiện nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng.

2. Cách tính mức lương hưu hàng tháng:

2.1. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng theo quy định tại tiết 1.1, điểm 1, Mục I Phần B Thông tư này, cách tính mức lương hưu hàng tháng thực hiện như quy định tại tiết a điểm 3 Mục IV Thông tư liên Bộ số 29/LB-TT ngày 02/11/1995 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Quốc phòng - Nội vụ; điểm 1 và tiết a điểm 2 Mục I Thông tư liên tịch số 05/2000/TTLT-BLĐTBXH-BQP-BCA ngày 18/2/2000 của liên tịch Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Quốc phòng - Bộ Công an.

Ví dụ 2: Đồng chí Hoàng Thị Y, Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp, đủ 45 tuổi, có 25 năm đóng bảo hiểm xã hội, trong đó có 16 năm ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7, nghỉ việc hưởng lương hưu từ tháng 6 năm 2001 (nghỉ hưu theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 45/CP ngày 15/7/1995). Tỷ lệ hưởng lương hưu hàng tháng được tính như sau:

Tỷ lệ % để tính lương hưu hàng tháng theo tiết a điểm 3 Mục IV Thông tư liên Bộ số 29/LB-TT ngày 02/11/1995:

15 năm tính bằng 45%.

Từ năm thứ 16 đến năm thứ 25 tính thêm 20%.

Tổng cộng bằng 65%.

Ví dụ 3: Đồng chí Nguyễn Văn X, Đại úy, 43 tuổi, có 22 năm đóng bảo hiểm xã hội, trong đó có 15 năm làm nghề đặc biệt nặng nhọc, bị suy giảm khả năng lao động 62%, nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí theo mức lương hưu thấp hơn từ tháng 7 năm 2001 (nghỉ hưu theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 45/CP ngày 15/7/1995). Tỷ lệ hưởng lương hưu hàng tháng của đồng chí X được tính như sau:

Tỷ lệ % để tính lương hưu hàng tháng theo tiết b điểm 1 Mục I Thông tư liên tịch số 05/2000/TTLT-BLĐTBXH-BQP-BCA ngày 18/2/2000:

22 năm tính bằng 59%.

Tỷ lệ (%) giảm do nghỉ hưu trước tuổi 50 (đôi với nam):

$$(50 \text{ tuổi} - 43 \text{ tuổi}) \times 1\% = 7\%$$

Tỷ lệ (%) để tính lương hưu hàng tháng của đồng chí X là: $59\% - 7\% = 52\%$.

2.2. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng theo quy định tại tiết 1.2 điểm 1 Mục I Phần B Thông tư này, cách tính mức lương hưu hàng tháng được thực hiện như quy định tại tiết a điểm 3 Mục IV Thông tư liên Bộ số 29/LB-TT ngày 02/11/1995 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Quốc phòng - Nội vụ, cụ thể như sau:

Đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội tính bằng 45% mức bình quân của tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội, sau đó cứ thêm mỗi năm (12 tháng) đóng bảo hiểm xã hội tính thêm 2%, tối đa bằng 75% mức bình quân của tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội (không phải tính giảm tỷ lệ % lương hưu).

Ví dụ 4: Đồng chí Nguyễn Hoàng Q, sĩ quan, 44 tuổi, có 26 năm đóng bảo hiểm xã hội (26 năm phục vụ quân đội trong đó có 5 năm tuổi quân); tỷ lệ lương hưu hàng tháng được tính như sau:

15 năm tính bằng 45%.

Từ năm thứ 16 đến năm thứ 26 tính thêm 22% (11 năm x 2%).

Tổng cộng bằng 67%.

II. ĐỐI VỚI SĨ QUAN, QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP CHUYỂN NGÀNH

1. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp chuyển ngành sang làm việc trong biên chế tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hưởng lương từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, quyền lợi được hưởng như sau:

1.1. Quy định về ưu tiên trong thi tuyển.

1.1.1. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp chuyển ngành được miễn thi tuyển, gồm:

a) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp nguyên là cán bộ, công nhân viên chức nhà nước được chuyển về cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước đã công tác trước khi nhập ngũ.

b) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp chuyển ngành theo yêu cầu của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được sắp xếp việc làm đúng ngành nghề chuyên môn, nghiệp vụ đào tạo.

Ví dụ 5: Đồng chí Nguyễn Văn D, cấp bậc Thượng úy, tốt nghiệp Đại học Tài chính kế toán, đang làm kế toán ở binh đoàn X nay được chuyển ngành về sắp xếp làm kế toán ở Sở Nông nghiệp tỉnh Hà Tây. Đồng chí D được sắp xếp đúng ngành nghề, không phải qua thi tuyển.

1.1.2. Ưu tiên điểm trong thi tuyển:

Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp khi chuyển ngành nếu phải qua thi tuyển công chức vào làm việc trong biên chế tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hưởng lương từ ngân sách nhà nước được ưu tiên cộng thêm 2,5 điểm vào kết quả thi để xét tuyển dụng.

1.2. Về xếp lương:

1.2.1. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp chuyển ngành được xếp và hưởng lương theo công việc mới, chức vụ mới kể từ ngày có quyết định chuyển ngành. Trường hợp hệ số mức lương ngạch, bậc mới (kể cả hệ số mức lương được nâng lương sau

chuyển ngành) thấp hơn hệ số mức lương sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp tại thời điểm chuyển ngành thì được bảo lưu hệ số chênh lệch giữa hệ số mức lương sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp với hệ số mức lương mới. Thời gian bảo lưu tối thiểu là 18 tháng kể từ khi có quyết định chuyển ngành.

Ví dụ 6: Đồng chí Phan H, cấp bậc Đại úy (hệ số lương 4,15) tháng 4, năm 2001 chuyển ngành ra Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B - xếp làm chuyên viên chính có hệ số mức lương là 3,91.

Hệ số chênh lệch bảo lưu là: $4,15 - 3,91 = 0,24$.

Thời gian bảo lưu tối thiểu đến hết tháng 9 năm 2002.

1.2.2. Trong thời gian bảo lưu lương, nếu sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp chuyển ngành được nâng hệ số mức lương mới bằng hoặc cao hơn hệ số mức lương sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp tại thời điểm chuyển ngành thì sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp đó được hưởng lương theo hệ số mức lương mới kể từ ngày được nâng lương và thôi hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu.

1.3. Cách tính lương hưu.

1.3.1. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp chuyển ngành khi nghỉ hưu được lấy mức lương làm căn cứ tính lương hưu tại thời điểm nghỉ hưu cộng thêm khoản phụ cấp thâm niên tính theo thời gian phục vụ tại ngũ của mức lương sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp tại thời điểm chuyển ngành được chuyển đổi theo chế độ lương hiện hành để làm cơ sở tính lương hưu.

Ví dụ 7: Đồng chí Trần Văn K, Phó vụ trưởng thuộc Bộ Y tế, nguyên là sĩ quan cấp bậc Đại úy, có 15 năm tuổi quân; nghỉ việc hưởng lương hưu từ tháng 5 năm 2001, khi nghỉ có hệ số lương 5,03, có quá trình công tác và diễn biến tiền lương đóng bảo hiểm xã hội trong 5 năm cuối trước khi nghỉ hưu là:

+ Từ ngày 01 tháng 5 năm 1996 đến ngày 30 tháng 4 năm 1998: hưởng lương hệ số 4,75 và phụ cấp chức vụ lãnh đạo 0,6;

+ Từ ngày 01 tháng 5 năm 1998 đến ngày 30 tháng 4 năm 2001: hưởng lương hệ số 5,03 và phụ cấp chức vụ lãnh đạo 0,6;

- Cách tính mức bình quân tiền lương đóng bảo hiểm xã hội như sau:

+ Từ ngày 01 tháng 5 năm 1996 đến ngày 30 tháng 4 năm 1998:

Lương tính theo hệ số:

$$210.000 \text{ đồng} \times 4,75 = 997.500 \text{ đồng}$$

Phụ cấp chức vụ lãnh đạo:

$$210.000 \text{ đồng} \times 0,6 = 126.000 \text{ đồng}$$

$$\text{Cộng : } 1.123.500 \text{ đồng}$$

$$1.123.500 \text{ đồng} \times 24 \text{ tháng} = 26.964.000 \text{ đồng.}$$

+ Từ ngày 01 tháng 5 năm 1998 đến ngày 30 tháng 4 năm 2001:

Lương tính theo hệ số:

$$210.000 \text{ đồng} \times 5,03 = 1.056.300 \text{ đồng}$$

Phụ cấp chức vụ lãnh đạo:

$$210.000 \text{ đồng} \times 0,6 = 126.000 \text{ đồng}$$

$$\text{Cộng : } 1.182.300 \text{ đồng}$$

$$1.182.300 \text{ đồng} \times 36 \text{ tháng} = 42.562.800 \text{ đồng.}$$

Tổng số tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của 60 tháng là:

$$26.964.000 \text{ đồng} + 42.562.800 \text{ đồng} = 69.526.800 \text{ đồng.}$$

Mức bình quân của tiền lương 5 năm cuối là:

$$69.526.800 \text{ đồng} : 60 \text{ tháng} = 1.158.780 \text{ đồng.}$$

Phụ cấp thâm niên trước khi chuyển ngành (tính trên hệ số lương Đại úy đã được chuyển đổi) là:

$$210.000 \text{ đồng} \times 4,15 \times 15\% = 130.725 \text{ đồng.}$$

Mức bình quân của tiền lương tháng để làm căn cứ tính lương hưu là:

$$1.158.780 \text{ đồng} + 130.725 \text{ đồng (phụ cấp thâm niên trước khi chuyển ngành)} = 1.289.505 \text{ đồng.}$$

1.3.2. Trường hợp sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp chuyển ngành, khi nghỉ hưu có mức lương làm căn cứ tính lương hưu theo quy định tại tiết 1.3.1 nói trên thấp hơn mức lương làm căn cứ tính lương hưu theo mức lương của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp tại thời điểm chuyển ngành, thì được lấy mức lương làm căn cứ tính lương hưu của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp tại thời điểm chuyển ngành để tính lương hưu.

Ví dụ 8: Tháng 5 năm 2001 đồng chí Thái Văn T là kế toán viên chính, nguyên là sĩ quan chuyên ngành nghỉ hưu, có quá trình công tác và diễn biến tiền lương đóng bảo hiểm xã hội như sau:

Tháng 5 năm 1990 chuyển ngành có cấp bậc Thiếu tá, có 20 năm tuổi quân, phụ cấp thâm niên (tính trên hệ số lương Thiếu tá đã được chuyển đổi) là:

$$210.000 \text{ đồng} \times 4,80 \times 20\% = 201.600 \text{ đồng.}$$

- Diễn biến tiền lương đóng bảo hiểm xã hội (tính theo hệ số lương đã được chuyển đổi):

+ Từ ngày 01 tháng 5 năm 1985 đến ngày 30 tháng 4 năm 1987: Đại úy, hệ số lương 4,15, thâm niên 17 năm.

+ Từ ngày 01 tháng 5 năm 1987 đến ngày 30 tháng 4 năm 1990: Thiếu tá, hệ số lương 4,80, thâm niên 20 năm.

+ Từ ngày 01 tháng 5 năm 1996 đến ngày 30 tháng 4 năm 2001: hưởng hệ số lương 4,10.

- Cách tính mức bình quân tiền lương đóng bảo hiểm xã hội như sau:

a) Bình quân 5 năm cuối trước khi chuyển ngành:

- Từ ngày 01 tháng 5 năm 1985 đến ngày 30 tháng 4 năm 1987:

Lương tính theo hệ số:

$$210.000 \text{ đồng} \times 4,15 = 871.500 \text{ đồng}$$

Phụ cấp thâm niên:

$$871.500 \text{ đồng} \times 17\% = 148.155 \text{ đồng}$$

$$\text{Cộng : } 1.019.655 \text{ đồng}$$

1.019.655 đồng x 24 tháng = 24.471.720 đồng.

- Từ ngày 01 tháng 5 năm 1987 đến ngày 30 tháng 4 năm 1990:

Lương tính theo hệ số:

210.000 đồng x 4,80 = 1.008.000 đồng

Phụ cấp thâm niên:

1.008.000 đồng x 20% = 201.600 đồng

Cộng : 1,209.600 đồng

1.209.600 đồng x 36 tháng = 43.545.600 đồng.

Tổng số tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của 60 tháng cuối trước khi chuyển ngành là:

24.471.720 đồng + 43.545.600 đồng = 68.017.320 đồng.

Mức bình quân của tiền lương 5 năm cuối trước khi chuyển ngành:

68.017.320 đồng : 60 tháng = 1.133.622 đồng.

b) Bình quân 5 năm cuối trước khi nghỉ hưu:

- Từ ngày 01 tháng 5 năm 1996 đến ngày 30 tháng 4 năm 2001:

Lương tính theo hệ số:

210.000 đồng x 4,10 = 861.000 đồng

Mức bình quân của tiền lương tháng để tính lương hưu là:

861.000 đồng + 201.600 đồng (phụ cấp thâm niên trước khi chuyển ngành) = 1.062.600 đồng.

Như vậy, mức bình quân của tiền lương 5 năm cuối trước khi chuyển ngành (1.133.622 đồng) cao hơn mức bình quân của tiền lương 5 năm cuối trước khi nghỉ hưu (1.062.600 đồng). Do đó, đồng chí T được lấy mức 1.133.622 đồng để làm cơ sở tính lương hưu.

1.4. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp chuyển ngành được cấp tiền tàu xe từ đơn vị về cơ quan mới từ nguồn ngân sách nhà nước (thực hiện theo điểm 1 Mục II Thông tư liên Bộ số 448/TTLB

ngày 28/3/1994 của liên Bộ Quốc phòng - Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính).

1.5. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp đã chuyển ngành sang doanh nghiệp nhà nước khi thôi việc được doanh nghiệp giới thiệu về đơn vị cũ (nơi quyết định cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp chuyển ngành sang doanh nghiệp nhà nước) thanh toán chế độ theo quy định hiện hành cho thời gian phục vụ quân đội.

1.6. Nguồn kinh phí chi trả chế độ trợ cấp một lần cho thời gian tăng thêm do quy đổi, tiền tàu xe, chi trả phần chênh lệch do bảo lưu lương, chi trả đào tạo do ngân sách nhà nước bảo đảm; kinh phí chi trả phần chênh lệch do bảo lưu lương, chi trả đào tạo đối với doanh nghiệp nhà nước được hạch toán vào giá thành hoặc phí lưu thông.

2. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp chuyển sang làm việc tại các doanh nghiệp (trừ doanh nghiệp nhà nước), đơn vị khác không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hưởng các chế độ sau:

2.1. Được hưởng chế độ trợ cấp phục viên một lần và tiền tàu xe từ đơn vị về cơ quan mới từ nguồn ngân sách nhà nước theo hướng dẫn tại điểm 2, 3, 4 Mục III Phần B Thông tư này.

2.2. Nếu sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp tự nguyện không nhận trợ cấp từ quỹ bảo hiểm xã hội thì được bảo lưu phần bảo hiểm xã hội của thời gian công tác trước khi chuyển sang làm việc tại các doanh nghiệp (trừ doanh nghiệp nhà nước), đơn vị khác không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, được cơ quan bảo hiểm xã hội quân đội xác nhận trong sổ bảo hiểm xã hội trước khi chuyển ra ngoài quân đội và được thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành tại Nghị định số 12/CP ngày 26/1/1995 của Chính phủ.

III. CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI SĨ QUAN, QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP PHỤC VIÊN

Quyền lợi của sĩ quan, quân nhân chuyên

nghiệp phục viên quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 8 Nghị định số 04/2001/NĐ-CP ngày 16/1/2001 của Chính phủ thực hiện như sau:

1. Trợ cấp tạo việc làm.

- Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp phục viên được trợ cấp tạo việc làm bằng 6 tháng lương tối thiểu của cán bộ, công chức tại thời điểm phục viên.

- Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp phục viên có nguyện vọng học nghề hoặc tìm việc làm thì đơn vị hoặc cơ quan quân sự quận, huyện (nơi cư trú) có trách nhiệm giới thiệu đến các trung tâm giới thiệu việc làm của quân đội hoặc của các Bộ, ngành, đoàn thể, địa phương để được học nghề hoặc giới thiệu việc làm.

- Các trung tâm giới thiệu việc làm của Nhà nước, quân đội, địa phương có trách nhiệm ưu tiên tiếp nhận sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp phục viên vào học nghề hoặc giới thiệu việc làm.

2. Trợ cấp phục viên một lần.

2.1. Trợ cấp phục viên một lần được tính bằng cách lấy số năm công tác theo lịch (không quy đổi hệ số) nhân với 1 tháng lương và phụ cấp (nếu có) hiện hưởng.

Thời gian để tính hưởng chế độ trợ cấp phục viên một lần là tổng thời gian công tác thực tế trong quân đội (bao gồm thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên chức quốc phòng, hạ sĩ quan, binh sĩ) chưa giải quyết chế độ phục viên, xuất ngũ; thời gian là cán bộ, công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước công tác trong các cơ quan, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và địa phương và thời gian làm hợp đồng có đóng bảo hiểm xã hội mà chưa được giải quyết chế độ thôi việc.

Nếu có tháng lẻ thì:

- Dưới 1 tháng không được tính để hưởng trợ cấp;

- Từ 1 tháng đến dưới 6 tháng được tính 0,5 năm công tác;

- Từ 6 tháng trở lên được tính 1 năm công tác.

2.2. Tiền lương để tính trợ cấp phục viên nói trên gồm: lương cấp bậc quân hàm hoặc lương ngạch, bậc và các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên, khu vực, đất đỏ, hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) đang hưởng trước khi phục viên.

Ví dụ 9: Đồng chí M nhập ngũ ngày 01 tháng 3 năm 1986, ngày 25 tháng 6 năm 2001 phục viên với cấp bậc Thượng úy, trợ lý.

Trợ cấp phục viên một lần được tính như sau:

Tiền lương của đồng chí M:

Lương cấp bậc Thượng úy:

$$210.000 \text{ đồng} \times 3,8 = 798.000 \text{ đồng}$$

Phụ cấp thâm niên:

$$798.000 \text{ đồng} \times 15\% = 119.700 \text{ đồng}$$

$$\text{Cộng} = 917.700 \text{ đồng}$$

Thời gian công tác thực tế của đồng chí M là 15 năm 3 tháng được tính hưởng trợ cấp phục viên là 15,5 tháng.

Trợ cấp phục viên một lần là:

$$917.700 \text{ đồng} \times 15,5 \text{ tháng} = 14.224.350 \text{ đồng.}$$

3. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp phục viên được cấp tiền tàu xe từ đơn vị về nơi cư trú (thực hiện theo điểm 3 Mục I Thông tư liên Bộ số 448/TTLB ngày 28/3/1994 của liên Bộ Quốc phòng - Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính).

4. Tiền trợ cấp tạo việc làm, trợ cấp phục viên một lần và tiền tàu xe từ đơn vị về nơi cư trú quy định tại các điểm 1, 2, 3 Mục III Phần B Thông tư này do ngân sách nhà nước chi trả; đơn vị quản lý sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp thanh toán trước khi phục viên.

5. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, ngoài các chế độ nói trên, còn được hưởng trợ cấp từ nguồn quỹ bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành tại điểm a mục 1 Điều 1 Quyết định số 595/TTg ngày 15/12/1993 của Thủ tướng

Chính phủ và Thông tư liên Bộ số 448/TT-LB ngày 28/3/1994 của liên Bộ Quốc phòng - Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính.

Ví dụ 10: Đồng chí M nêu tại ví dụ 9 nói trên, ngoài trợ cấp nói tại các điểm 1, 2, 3 Mục III, đồng chí M còn được hưởng trợ cấp do quỹ bảo hiểm xã hội chi trả như sau:

Lương cấp bậc thượng úy:

$$210.000 \text{ đồng} \times 3,8 = 798.000 \text{ đồng}$$

Phụ cấp thâm niên:

$$798.000 \text{ đồng} \times 15\% = 119.700 \text{ đồng}$$

$$\text{Tổng} = 917.700 \text{ đồng}$$

Tiền trợ cấp từ quỹ bảo hiểm xã hội bằng:

15 năm tuổi quân:

$$917.700 \text{ đồng} \times 1,5 \times 15 \text{ năm} = 20.648.250 \text{ đồng}$$

3 tháng lễ:

$$917.700 \text{ đồng} \times 1 \text{ tháng} = 917.700 \text{ đồng}$$

$$\text{Cộng: } 21.565.950 \text{ đồng}$$

6. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp phục viên về địa phương không quá 1 năm kể từ ngày ký quyết định phục viên, nếu tìm được việc làm, có yêu cầu chuyển ngành theo quy định tại Mục II Nghị định số 04/2001/NĐ-CP ngày 16/1/2001, thì Thủ trưởng đơn vị cũ theo phân cấp quản lý (Bộ Quốc phòng) thu hồi quyết định phục viên và ra quyết định chuyển ngành. Khi ra quyết định chuyển ngành, đơn vị cũ có trách nhiệm thu tiền trợ cấp phục viên một lần quy định tại điểm 2 Mục III Phần B Thông tư này về cho ngân sách; nếu đối tượng có nguyện vọng tính nối thời gian tham gia bảo hiểm xã hội trước khi phục viên thì đơn vị cũ thu tiền trợ cấp từ nguồn quỹ bảo hiểm xã hội về cho quỹ bảo hiểm xã hội và đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội quân đội xác nhận trong sổ bảo hiểm xã hội.

Trường hợp sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp phục viên không quá 1 năm sau đó chuyển sang làm việc tại các doanh nghiệp (trừ doanh nghiệp nhà nước), đơn vị khác không hưởng lương từ

ngân sách nhà nước có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, nếu đối tượng có nguyện vọng tính nối thời gian tham gia bảo hiểm xã hội trước khi phục viên thì đơn vị cũ thu tiền trợ cấp từ nguồn quỹ bảo hiểm xã hội về cho quỹ bảo hiểm xã hội và đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội quân đội xác nhận trong sổ bảo hiểm xã hội cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp.

IV. QUY ĐỔI THỜI GIẠN ĐỂ TÍNH HƯỞNG CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP MỘT LẦN KHI SĨ QUAN, QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP THỜI PHỤC VỤ TẠI NGŨ

1. Điều kiện để tính quy đổi thời gian:

1.1. Đã chiến đấu, phục vụ chiến đấu ở chiến trường miền Nam (B), chiến trường Lào (C) trước ngày 30 tháng 4 năm 1975, ở Campuchia trước ngày 31 tháng 8 năm 1989; chiến đấu, phục vụ chiến đấu ở miền Bắc trong chống chiến tranh phá hoại từ ngày 05 tháng 8 năm 1964 đến ngày 27 tháng 1 năm 1973; ở biên giới Tây Nam từ tháng 5 năm 1975 đến tháng 12 năm 1978; ở biên giới Việt Trung từ tháng 2 năm 1979 đến hết tháng 12 năm 1988.

1.2. Ở địa bàn có phụ cấp đặc biệt mức 100% hoặc làm việc trong ngành nghề đặc thù quân sự được xếp lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

1.3. Ở địa bàn có phụ cấp khu vực từ hệ số 0,7 trở lên hoặc làm việc trong ngành nghề đặc thù quân sự được xếp lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Cách tính quy đổi thời gian:

2.1. Thời gian để tính quy đổi theo các điều kiện ở điểm 1 nêu trên là thời gian phục vụ trong quân đội mà chưa quy đổi để hưởng chế độ trợ cấp một lần.

2.2. Thời gian công tác ở địa bàn trước đây chưa được quy định mà nay quy định mức phụ cấp đặc

biệt (100%); hoặc phụ cấp khu vực (0,7) trở lên, thì thời gian công tác ở địa bàn đó được tính là thời gian công tác được quy đổi.

Ví dụ 11: Một sĩ quan công tác ở quần đảo Trường Sa từ tháng 4 năm 1988 đến tháng 3 năm 1990; tháng 6 năm 2001 nghỉ hưu, từ tháng 1 năm 1994 ở quần đảo Trường Sa được hưởng chế độ phụ cấp đặc biệt mức 100%, do vậy thời gian 2 năm công tác ở Trường Sa (1988 - 1990) của đồng chí sĩ quan này được quy đổi để hưởng chế độ trợ cấp một lần khi nghỉ hưu.

2.3. Thời gian công tác ở địa bàn trước đây được quy định phụ cấp đặc biệt mức 100%; hoặc phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên (dù điều kiện để tính quy đổi) mà sau đó quy định phụ cấp đặc biệt dưới mức 100%; hoặc phụ cấp khu vực dưới hệ số 0,7 (không đủ điều kiện để tính quy đổi), thì thời gian công tác trước đó ở địa bàn nói trên đến ngày có quy định mới được tính là thời gian công tác được quy đổi theo mức quy định.

2.4. Thời gian trước đây làm nghề hoặc công việc mà hiện nay quy định là nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, thì thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 2 Mục II Thông tư số 11/LĐTBXH-TT ngày 07 tháng 4 năm 1997 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để làm căn cứ tính quy đổi thời gian tăng thêm.

3. Mức quy đổi thời gian:

3.1. Thực hiện mức quy đổi như quy định tại Điều 9 Nghị định số 04/2001/NĐ-CP ngày 16/1/2001 của Chính phủ.

3.2. Trường hợp trong cùng một thời gian công tác, nếu có đủ 2 hoặc 3 điều kiện nêu trên thì chỉ được thực hiện điều kiện có mức quy đổi cao nhất.

3.3. Trường hợp có thời gian công tác được quy đổi mà dứt quãng thì được cộng dồn để tính thời gian tăng thêm.

Ví dụ 12: Đồng chí N, tháng 5 năm 2001 nghỉ hưu, cấp bậc Thượng tá, 29 năm tuổi quân, có thời gian chiến đấu ở chiến trường miền Nam 3

năm (từ tháng 5 năm 1972 đến 4 năm 1975). Sau đó có thời gian công tác ở địa bàn có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 (xã ĐaK Na, huyện Đắc Tô, tỉnh Kon Tum) 6 năm (từ tháng 3 năm 1985 đến tháng 2 năm 1991).

Đồng chí N được tính quy đổi thời gian như sau:

- 3 năm, mỗi năm tăng thêm 6 tháng:
 $3 \times 6 \text{ tháng} = 18 \text{ tháng} = 1 \text{ năm } 6 \text{ tháng},$

- 6 năm, mỗi năm tăng thêm 2 tháng:
 $6 \times 2 \text{ tháng} = 12 \text{ tháng} = 1 \text{ năm},$

Tổng thời gian tăng thêm của đồng chí N là:
 $1 \text{ năm } 6 \text{ tháng} + 1 \text{ năm} = 2 \text{ năm } 6 \text{ tháng}.$

4. Cách tính trợ cấp một lần cho thời gian tăng thêm do quy đổi:

4.1. Mức trợ cấp: Cứ mỗi năm tăng thêm do quy đổi được tính bằng 1 tháng tiền lương và phụ cấp (nếu có) hiện hưởng tại thời điểm thôi phục vụ tại ngũ (không trừ bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội).

Nếu có tháng lẻ thì:

- Dưới 1 tháng không tính hưởng trợ cấp;

- Từ 1 tháng đến dưới 6 tháng được tính 0,5 năm tăng thêm;

- Từ 6 tháng trở lên được tính hưởng 1 năm tăng thêm.

4.2. Tiền lương và phụ cấp để tính trợ cấp một lần gồm tiền lương cấp hàm, ngạch, bậc và các khoản phụ cấp chức vụ, thâm niên, khu vực, đất đỏ và hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) tại thời điểm thôi phục vụ tại ngũ.

Ví dụ 13: Đồng chí N nêu tại ví dụ 12 nói trên, đồng chí N được tính trợ cấp một lần như sau:

Lương cấp hàm Thượng tá:

$$210.000 \text{ đồng} \times 5,90 = 1.239.000 \text{ đồng}$$

Phụ cấp thâm niên:

$$1.239.000 \text{ đồng} \times 29\% = 359.310 \text{ đồng}$$

$$\text{Cộng} = 1.598.310 \text{ đồng}$$

Thời gian tăng thêm do quy đổi 2 năm 6 tháng được trợ cấp bằng 3 tháng lương và phụ cấp.

Trợ cấp một lần của đồng chí N khi thôi phục vụ tại ngũ là:

$$1.598.310 \text{ đồng} \times 3 = 4.794.930 \text{ đồng.}$$

4.3. Tiền trợ cấp một lần cho thời gian tăng thêm do quy đổi nói trên, được ngân sách nhà nước đảm bảo và đơn vị quản lý chi trả trước khi sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp thôi phục vụ tại ngũ.

V. CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI SĨ QUAN CHUYỂN SANG QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP, CÔNG CHỨC QUỐC PHÒNG; QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP CHUYỂN SANG CÔNG CHỨC QUỐC PHÒNG

1. Về chuyển xếp lương:

Sĩ quan thuộc diện chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng; quân nhân chuyên nghiệp chuyển sang công chức quốc phòng theo quy định, được xếp lương theo diện bố trí mới.

Hệ số mức lương được xếp khi chuyển diện bố trí, căn cứ vào ngành, nhóm ngành cán bộ được xếp; trình độ đào tạo, thời gian giữ cấp bậc quân hàm hoặc bậc lương hiện tại.

Trường hợp hệ số mức lương được xếp thấp hơn hệ số mức lương sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp tại thời điểm chuyển diện bố trí thì được bảo lưu hệ số chênh lệch giữa hệ số mức lương sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp so với hệ số mức lương mới cho đến khi được nâng lương bằng hoặc cao hơn.

2. Về chế độ trợ cấp một lần cho thời gian tăng thêm do quy đổi:

Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp chuyển sang công chức quốc phòng được hưởng chế độ trợ cấp một lần cho thời gian tăng thêm do quy đổi quy

định ở Mục IV Thông tư này; nếu sau đó, do yêu cầu của tổ chức, công chức quốc phòng lại chuyển thành quân nhân chuyên nghiệp hoặc sĩ quan, thì khi thôi phục vụ tại ngũ, thời gian đã tính quy đổi nói trên không được tính lại.

3. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp chuyển sang công chức quốc phòng khi nghỉ hưu được áp dụng thực hiện về cách tính lương hưu quy định tại điểm 1.3 Mục II Thông tư này.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp thôi phục vụ tại ngũ hoặc chuyển sang công nhân viên chức quốc phòng từ ngày 01 tháng 4 năm 2000 đến ngày ban hành Thông tư này, các đơn vị quản lý cán bộ (theo phân cấp của Bộ Quốc phòng), căn cứ vào hồ sơ và thời điểm thôi phục vụ tại ngũ của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp để tính các chế độ được hưởng và truy trả cho từng đối tượng theo quy định tại Thông tư này.

2. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp đã chuyển ngành hoặc đã chuyển sang công nhân viên chức quốc phòng mà nghỉ hưu sau ngày 01 tháng 4 năm 2000 được áp dụng cách tính lương hưu theo quy định tại tiết 1.3 điểm 1 Mục II Phần B Thông tư này.

3. Kinh phí đóng bảo hiểm xã hội bổ sung hàng năm cho số hạ sĩ quan, binh sĩ từ ngày 01 tháng 1 năm 1995 trở đi chuyển thành người hưởng lương, tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc cả 5 chế độ bằng 15% mức lương tối thiểu/người/tháng.

Hàng năm, căn cứ vào số lượng hạ sĩ quan, binh sĩ chuyển thành người hưởng lương và mức đóng nêu trên, Bộ Quốc phòng lập dự toán vào ngân sách chi thường xuyên, Bộ Tài chính bảo đảm để Bộ Quốc phòng đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội.

Đối với số hạ sĩ quan, binh sĩ chuyển thành người hưởng lương từ năm 2001 về trước, Bộ Quốc phòng chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và Bảo hiểm xã hội Việt Nam rà soát lại số lượng đối

tượng phải đóng bảo hiểm xã hội để bảo đảm cho quỹ bảo hiểm xã hội Việt Nam.

4. Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch khôi phục vụ tại ngũ đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, Bộ Quốc phòng lập dự toán ngân sách chi cho các chế độ trợ cấp tạo việc làm, trợ cấp phục viên một lần, tiền tàu xe; trợ cấp một lần cho thời gian tăng thêm do quy đổi.

5. Thủ tục hồ sơ xét hưởng chế độ hưu trí, chế độ bảo hiểm xã hội một lần đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp quy định tại Thông tư này thực hiện theo quy định hiện hành.

Hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp phục viên một lần, chế độ trợ cấp tạo việc làm, chế độ trợ cấp một lần thời gian tăng thêm do quy đổi, chế độ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

6. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2000.

Các quy định áp dụng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp Quân đội nhân dân Việt Nam khi khôi phục vụ tại ngũ trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về liên Bộ để nghiên cứu giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng
Thủ trưởng

Trung tướng NGUYỄN VĂN RINH

KT. Bộ trưởng Bộ Lao động -
Thương binh và Xã hội
Thủ trưởng

LÊ DUY ĐỒNG

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

NGUYỄN THỊ KIM NGÂN

TÀI CHÍNH - GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

THÔNG TƯ liên tịch số 47/2001/TTLT- BTC-BGDĐT ngày 20/6/2001 hướng dẫn mức chi bồi dưỡng cho công tác ra đề thi và tổ chức các kỳ thi học sinh giỏi, thi quốc tế và thi tốt nghiệp.

Thực hiện Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 của Chính phủ hướng dẫn thi hành việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước;

Liên Bộ Tài chính - Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn định mức chi cho công tác ra đề thi và tổ chức các kỳ thi học sinh giỏi, dự thi quốc tế và thi tốt nghiệp như sau:

I. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Các kỳ thi quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức:

Hội đồng ra đề thi Trung ương ra đề thi cho các kỳ thi sau:

- Thi tốt nghiệp phổ thông trung học.
- Các kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia.
- Các kỳ thi chọn đội tuyển học sinh giỏi quốc gia để tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực.

2. Các kỳ thi quốc gia do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức:

Hội đồng ra đề thi địa phương ra đề thi cho các kỳ thi sau: